TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **51**/2026/HNGĐ-ST Ngày 22/01/2026 *V/v: "Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hùng và ông Phạm Văn Vượng.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/01/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc *Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn*"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Âu Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn S, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Âu Thị N và anh Trần Văn S trước đây là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên năm 2024 anh chị đã quyết định ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang) đã giao con chung là cháu Trần Việt H, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Trần Gia H1, sinh ngày 15/10/2013 cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Âu Thị N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trần Văn S. Ngày 07/8/2025 Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang nhận được đơn khởi

kiện của chị Âu Thị N về việc đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn đối với anh Trần Văn S.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Âu Thị N trình bày: Sau khi ly hôn, chị vẫn thường xuyên về thăm con, chu cấp tiền cho các cháu sinh hoạt, học tập. Hiện nay điều kiện kinh tế, chỗ ở của chị đã ổn định, chị đã xây dựng được một ngôi nhà riêng ở thôn Đ, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang trên thửa đất của bố mẹ đẻ cho chị. Chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Gia H1, sinh ngày 15/10/2013 vì cháu H1 là con gái, cháu ngày càng lớn và trưởng thành nên cần có mẹ ở bên quan tâm, chăm sóc, chia sẻ chuyện của con gái được nhiều hơn. Anh S vẫn tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Việt H, sinh ngày 06/10/2010, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Tại bản tự khai có trong hồ sơ, quá trình giải quyết (BL 57, 66-69) bị đơn anh Trần Văn S trình bày: Sau khi ly hôn, anh vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Trần Việt H, Trần Gia H1 rất chu đáo. Thỉnh thoảng chị Âu Thị N mới về thăm con. Anh không nhất trí giao cháu Trần Gia H1 cho chị Âu Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng bởi vì hiện nay anh vẫn có đủ điều kiện thời gian, kinh tế, nơi ăn chốn ở, anh không bỏ bê việc nuôi dậy cháu H1, hàng ngày vẫn thường xuyên đưa đón cháu H1 đi học, vẫn chăm sóc, quan tâm lo lắng cho cháu. Trong khi đó chị Âu Thị N hiện nay đang đi làm công nhân ở bên tỉnh Thái Nguyên, thỉnh thoảng mới về địa phương. Đề nghị Toà án vẫn giữ nguyên quyết định số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2024 của Toà án, để anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Gia H1. Không yêu cầu chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên và đơn trình bày nguyện vọng của con trong hồ sơ (BL 24, 49, 50), cháu Trần Gia H1 trình bày quan điểm thể hiện: Cháu là con của bố Trần Văn S, mẹ Âu Thị N. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bố mẹ cháu đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn, sau khi ly hôn cháu ở với bố Trần Văn S. Tuy nhiên, trong thời gian sinh sống có một số bất tiện như bố hay vắng nhà để cháu ở nhà một mình, bố hay rủ bạn đến nhà chơi, có người cứ nhìn cháu khiến cháu sợ và cảm thấy không an toàn. Do vậy, cháu có nguyện vọng được chuyển về sinh sống cùng với mẹ vì mẹ cháu có quan tâm, chăm sóc cháu chu đáo hơn, cháu là con gái, cháu đã lớn, có nhiều chuyện của con gái không thể chia sẻ với bố được, cháu đề nghị Tòa án giao cháu cho mẹ Âu Thị N chăm sóc, giáo dục cháu.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Cháu Trần Việt H, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Trần Gia H1, sinh ngày 15/10/2013 là con chung của chị Âu Thị N và anh Trần Văn S. Sau khi anh chị ly hôn, các cháu đều sống cùng anh S

tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang còn chị N thì về nhà bố mẹ đẻ sống tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang.

Cuộc sống của 3 bố con anh S sau ly hôn vẫn bình thường, anh S có quan tâm, chăm sóc con cái tốt, ăn học đầy đủ, không quát mắng các cháu. Cháu trai Trần Việt H đang theo học tại trường D nên ở nhà hiện chỉ có 2 bố con là anh S và cháu gái Trần Gia H1 sinh sống. Do anh S là bố đơn thân nên thi thoảng có một số thanh niên tụ tập chơi bời ở nhà anh S, các thanh niên tụ tập chơi bời quá khuya ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của cháu H1 và việc nghỉ ngơi của 2 bố con. Cháu H1 là con gái, đang độ tuổi dạy thì, cần tình thương và sự quan tâm, dạy dỗ của người mẹ nhiều hơn. Tuy anh S có chăm sóc con cái tốt nhưng anh là con trai nên nhiều vấn đề tế nhị trong cuộc sống có sự hạn chế, nếu giao cháu H1 cho mẹ sẽ đảm bảo quyền lợi và sự phát triển tâm sinh lý của cháu tốt hơn.

Ở địa phương anh S là lao động tự do kiêm chức Phó bí thư Chi bộ thôn Đ. Thu nhập bình quân của người dân làm lao động tự do tại xã là 250.000 đồng – 300.000 đồng/ngày/người. Chị N là công nhân công ty TNHH S1, lương tháng ổn định, bình quân 12.474.000 đồng/tháng.

Tại Đơn xin xác nhận và biên bản làm việc (BL 21, 60), bà Vương Thị N1 (mẹ đẻ chị Âu Thị N) trình bày quan điểm thể hiện: Sau khi ly hôn, chị N đã chuyển về sinh sống cùng gia đình bà tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang. Gia đình cũng đã chia cho chị N một phần đất (rộng 5m, dài 28m), tháng 10/2024 chị N đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn, diện tích 80m^2 trên đất và ở từ đó đến nay. Chị N hiện làm công nhân công ty, lương tháng ổn định, kinh tế độc lập, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt. Cháu H1 là con gái, đang trong độ tuổi dạy thì, cần có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ và bà ngoại. Nếu giao cháu H1 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng thì bà cũng sẽ có trách nhiệm giúp đỡ chị N chăm sóc, giáo dục cháu trong thời gian chị N đi làm để cháu có điều kiện học tập, sinh hoạt tốt nhất, an toàn nhất.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 1 – Tuyên Quang

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa khi tiến hành tố tụng và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Trần Văn S không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Âu Thị N, giao cháu Trần Gia H1, sinh ngày 15/10/2013 cho chị Âu Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Bản án, quyết định này thay thế phần quyết định về con

chung tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang) đối với cháu Trần Gia H1.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX miễn nộp khoản tiền án phí cho anh Trần Văn S và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Âu Thị N đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Gia H1 từ anh Trần Văn S sang chị Âu Thị N. Bị đơn anh Trần Văn S có nơi cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, quan hệ tranh chấp ở đây được xác định là "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn", vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Trần Văn S nhiều lần nhưng anh S không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ, coi thường pháp luật. Tại phiên toà, nguyên đơn chị Âu Thị N có mặt, bị đơn anh Trần Văn S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Âu Thị N đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với cháu Trần Gia H1, sinh ngày 15/10/2013 từ anh Trần Văn S sang chị Âu Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N không yêu cầu anh Trần Văn S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Gia H1 cùng chị.

Xét nội dung vụ việc thấy rằng, chị Âu Thị N và anh Trần Văn S trước đây là vợ chồng, anh chị có 02 người con chung là cháu Trần Việt H, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Trần Gia H1, sinh ngày 15/10/2013. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang), chị N và anh S đã thỏa thuận giao cháu Trần Việt H và cháu Trần Gia H1 cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Âu Thị N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Từ sau khi ly hôn đến nay anh S vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu chu đáo. Chị N vẫn thường xuyên về thăm con, quan tâm, chăm sóc, chu cấp tiền cho các cháu sinh hoạt, học tập đầy đủ.

Xét điều kiện nuôi con của các đương sự: Chị N là công nhân công ty TNHH S1, lương tháng ổn định, đã có nhà ở riêng ngay cạnh nhà mẹ đẻ (bà ngoại của cháu H1) tại thôn Đ, xã Đ. Anh S là lao động tự do kiêm chức vụ Phó bí thư Chi bộ thôn Đ, xã Đ. Như vậy, thu nhập của anh S và chị N ổn định, tương đương nhau, anh chị có nhà ở riêng, chỗ ở ổn định, kinh tế độc lập.

Xét nguyện vọng của con chung: Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên và đơn trình bày nguyện vọng của con, cháu Trần Gia H1 trình bày quan điểm thể hiện trong thời gian sinh sống với bố có một số bất tiện như bố hay vắng nhà để cháu ở nhà một mình, bố hay rủ bạn đến nhà chơi, có người cứ nhìn cháu khiến cháu sợ và cảm thấy không an toàn. Đồng thời, cháu là con gái, cháu đã lớn nên có nhiều chuyện của con gái không thể chia sẻ với bố được, mẹ cháu vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc cháu. Do vậy, cháu có nguyện vọng được chuyển về sinh sống cùng với mẹ, đề nghị Tòa án giao cháu cho mẹ Âu Thị N chăm sóc, giáo dục cháu.

Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thể hiện: *"1. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều này, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

2…

3. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên".

Xét thấy, chị Âu Thị N và anh Trần Văn S có chỗ ở riêng, thu nhập ổn định và tương đương nhau, kinh tế độc lập, đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung. Cháu Trần Việt H và Trần Gia H1 là con chung của chị N và anh S nên anh chị đều phải có nghĩa vụ và trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Tuy sau khi ly hôn anh S có quan tâm, chăm sóc con cái tốt, cho các cháu ăn học đầy đủ, không quát mắng các cháu nhưng hiện tại chỉ có anh S và cháu H1 ở nhà (cháu H đang đi học tại trường D), anh S là bố đơn thân nên thi thoảng có một số thanh niên tụ tập chơi bời ở nhà anh quá khuya ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của cháu H1, ảnh hưởng đến tâm lý của cháu khiến cháu sợ và cảm thấy không an toàn. Anh S là đàn ông nên nhiều vấn đề tế nhị của con gái trong cuộc sống có sự hạn chế, không thể chia sẻ được với bố. Cháu H1 là con gái, đang độ tuổi dạy thì (trưởng thành) nên rất cần tình thương, sự quan tâm chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ nhiều hơn. Việc giao cháu H1 cho chị N sẽ đảm bảo quyền lợi và sự phát triển

tâm sinh lý của cháu tốt hơn, phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 là được ở với mẹ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển toàn diện của con chung cũng như đảm bảo nguyên tắc bảo vệ bà mẹ và trẻ em khi giải quyết việc giao nuôi con chung, căn cứ quan điểm của các đương sự, nguyện vọng của con chung HĐXX thấy rằng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giao cháu Trần Gia H1, sinh ngày 15/10/2013 cho chị Âu Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Bản án này thay thế cho phần quyết định về con chung đối với cháu Trần Gia H1 tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang).

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn anh Trần Văn S phải nộp án phí. Anh S là dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh S được miễn nộp khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Âu Thị N không phải nộp án phí, trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Âu Thị N, giao cháu Trần Gia H1, sinh ngày 15/10/2013 cho chị Âu Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Anh Trần Văn S có trách nhiệm giao con chung là cháu Trần Gia H1, sinh ngày 15/10/2013 cho chị Âu Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

Bản án này thay thế cho phần quyết định về con chung đối với cháu Trần Gia H1 tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang).

2. Về án phí:

Miễn nộp khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Trần Văn S.

Chị Âu Thị N không phải chịu án phí, trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000007408543, ngày 08/10/2025 của Công ty cổ phần T và biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 79 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang

3. Về quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh TQ;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Chiến